

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 07-8-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khương Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Phường ĐH, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1971; địa chỉ: Phường HA, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Thanh P là vợ chồng, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường ĐH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 22/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà số 43/16, đường ĐX 105, Tổ 77, Khu phố 9, phường HA, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện

nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, từ tháng 4/2019 đến nay bà Q và ông P sống ly thân. Vì vậy, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Q và ông P không có con chung trong thời kỳ hôn nhân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Q, ông P, Trích lục kết hôn (bản sao).

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Q. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn tại nơi cư trú, địa phương và tại trụ sở Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông P đều vắng mặt.

Ngày 06/8/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q có đơn xin giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi hay bổ sung yêu cầu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm. Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường ĐH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 22/3/2018. Nay, bà Q có đơn xin ly hôn với ông P. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do

đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Bà Q và ông P là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường ĐH cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 22/3/2018. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Q cho rằng: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, từ tháng 4/2019 đến nay bà Q và ông P sống ly thân. Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông P không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

[2.1] Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố M địa phương, được Trưởng Khu phố 9, phường HA, thành phố M, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông P như sau: Trong quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng bà Q và ông P có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì vợ chồng bà Q, ông P chưa khi nào trình báo địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình.

[2.2] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà Q, ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông P là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Q và ông P không có con chung trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q về việc “Ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Thanh P không có con chung trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041189 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. M;
- CC THADS TP. M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khương Minh Trí